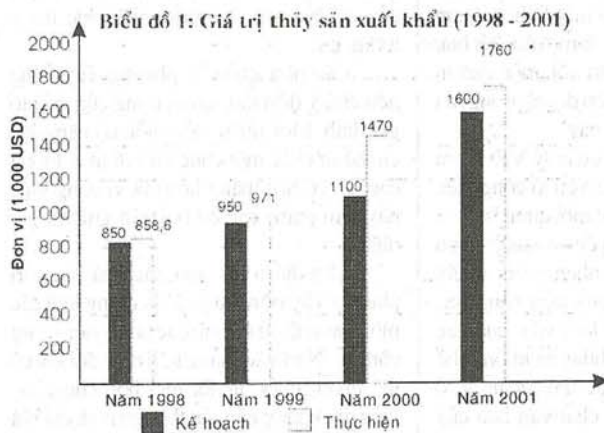


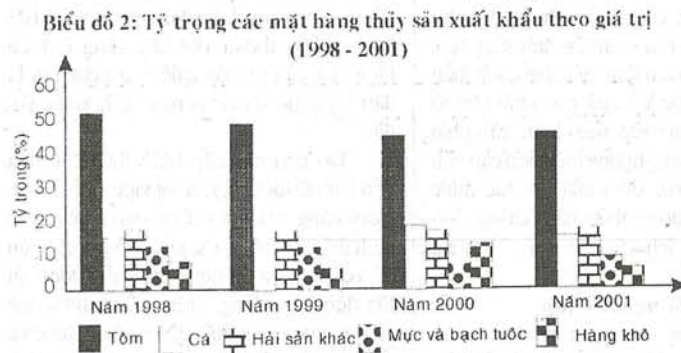
Từ những kết quả đạt được

Có thể nói một trong những thành tích nổi bật của VN năm qua là xuất khẩu thủy sản tăng vọt, đạt 1.760,6 triệu USD, vượt mức kế hoạch 10,1% và tăng 19,7% so với thực hiện năm 2000. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và xuất khẩu VN tăng chậm, chỉ có 5,7% thì kết quả trên đây của ngành thủy sản quả là đáng khích lệ. Như vậy, thủy sản đã trở thành ngành hàng có giá trị xuất khẩu lớn thứ ba, chỉ sau dầu thô và dệt may. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản VN năm 1998 – 2001 được biểu hiện qua biểu đồ 1



Nguồn: Bộ thủy sản

Xét ở góc độ mặt hàng và thị trường thì thấy trong tổng giá trị xuất khẩu thủy sản VN năm 2001 thì tôm đông lạnh chiếm tỷ trọng cao nhất, vẫn là mặt hàng chủ lực trong ngành thủy sản nói chung, kể đến là cá đông lạnh, chiếm 15,88%. Tỷ trọng các mặt hàng thủy sản xuất khẩu theo giá trị 4 năm (1998 – 2001) được thể hiện qua biểu đồ 2



Nguồn: Bộ thủy sản

Cơ cấu của các thị trường đã có sự thay đổi lớn, thị trường Nhật tuy vẫn tăng về giá trị, nhưng về tỷ trọng đã giảm dần, từ 42,3% năm 1998 nay xuống còn 26,14% năm 2001, và từ tháng 8/2001 đã xuống vị trí thứ hai, sau Mỹ. Thị trường Mỹ đã trở thành thị trường quan trọng nhất, chiếm vị trí dẫn đầu với thị phần tăng nhanh từ 11,60% năm 1998 lên 27,81% năm 2001. Nếu năm 1998, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ của VN mới chỉ là 80 triệu USD thì đến năm 2000 đã là gần 300 triệu USD và đến năm 2001 đã lên tới con số trên 500 triệu USD, vượt qua Nhật và hiện là thị trường lớn nhất thu hải sản của VN.

Bên cạnh đó, thị trường Trung Quốc và Hồng Kông cũng đã vươn lên chiếm vị trí thứ 3 trong cơ cấu thị trường thủy sản của VN. Đây là thị trường rất có tiềm năng vì dân số đông, lại ở gần ta mà nhu cầu sản phẩm thì đa dạng và không đòi hỏi cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như Mỹ, Nhật Bản và EU. Nếu năm 1998, tỷ trọng hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường này mới chiếm 10,56% thì đến năm 2001 đã tăng lên, đạt tới 17,32%. Thị trường EU tuy không tăng về tỷ trọng và dao động ở mức 6,5% đến 10%, nhưng lại là thị trường ổn định, cần giữ vững, nhất là khi Mỹ và Nhật có những biến động lớn.

XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2001 BƯỚC ĐỘT PHÁ

PGS.TS. HOÀNG THỊ CHỈNH

Tỷ trọng các thị trường khác thuộc châu Á và các khu vực khác cũng tăng lên đáng kể từ năm 1998 đến nay (từ 12,5% lên 22,63%), trong số đó phải kể đến 2 thị trường quan trọng nhất là Hàn Quốc và Đài Loan.

Tỷ trọng thị trường xuất khẩu thủy sản của VN giai đoạn 1998 – 2001 được biểu thị qua biểu đồ 3.

Nếu xét ở góc độ địa phương, nơi trực tiếp tạo ra hàng thủy sản để xuất khẩu thì năm qua đã có sự cố gắng vượt bậc, nhiều tỉnh có mức tăng trưởng đáng kể so với năm trước. Trong số đó phải kể đến Cà Mau, ước đạt 301 triệu USD, tăng 23,6% so với năm 2000; Sóc Trăng đạt 205 triệu USD, tăng 28,1% so với năm 2000; TP.HCM đạt 160 triệu USD, tăng 10,1% so với năm 2000. Ở miền Bắc, một số tỉnh còn có tốc độ tăng trưởng cao hơn nữa như Quảng Ninh đạt 30,1 triệu USD, tăng 36,8%; Hải Phòng đạt 15,5 triệu USD, tăng 41,4% so với năm 2000.

Đến những nguyên nhân

Nếu nhớ lại vào đầu năm 2001, ngành thủy sản nước ta liên tục phải đương đầu với những khó khăn chồng chất, nào là Nhật Bản – thị trường chủ lực, nền kinh tế vẫn tiếp tục suy thoái; nào là sự kiện 11.9 khiến kinh tế Mỹ bất ổn, sức mua giảm mạnh, trong khi đó sản lượng nuôi tôm của nhiều nước tăng nhanh, dẫn đến giá tôm bị rớt nghiêm trọng, chỉ còn bằng hơn một nửa so với năm 2000; nào là tranh chấp thương mại về xuất khẩu cá tra và basa của Mỹ đối với VN. Bên cạnh đó, EU lại còn tăng cường thêm các biện pháp kiểm soát việc sử dụng kháng sinh trong sản xuất thủy sản của VN... Tất cả đã đẩy ngành thủy sản VN rơi vào tình trạng hết sức khó khăn, tưởng chừng như không vượt qua nổi. Thế mà trên thực tế, ngành thủy sản VN vẫn vươn lên và xuất khẩu đạt được các thành tích kể trên là một điều khó có thể tin được. Vậy đâu là nguyên nhân của sự thành công đó?

Trước hết phải nói đến việc tạo nguồn nguyên liệu cho xuất khẩu, đó là mở rộng diện tích nuôi trồng và tăng cường khai thác thủy sản.

Nghị quyết (09/2000)-NQ-CP ra ngày 15.6.2000 của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho phép chuyển đổi một số diện tích lúa và cây con khác kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản mà diện tích nuôi trồng thủy sản tăng vọt vào năm 2001. Nếu năm 1998, cả nước mới có 623.330 ha nuôi trồng thủy sản thì đến năm 2001, con số này đã lên tới 1.091 triệu ha, tăng 74,2% so với năm 1998.

Với các hình thức nuôi tôm rất đa dạng, phong phú như nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi lồng bè, nuôi xen canh tôm – lúa, tôm – cá – vườn, tôm – rừng, đặc biệt là một số nơi còn có những hình thức nuôi rất mới như nuôi tôm trên cát (Ninh Thuận, Quảng Ngãi...), nuôi cá trên biển (Bình Thuận...) đã làm tăng đáng kể sản lượng nuôi trồng thủy sản và khai thác nội địa, năm 2001 đạt con số 879.000 tấn, tăng 48,15 so với năm 1998.

Trong số các loại thủy sản được nuôi trồng, đặc biệt tôm sú được phát triển rất nhanh về quy mô, năng suất và sản lượng. Nếu năm 1998, năng suất bình quân chỉ đạt 0,56 tấn/ha thì đến năm 2000 đã đạt 0,65 tấn/ha, năm 2001 tuy năng suất có giảm một chút do nhiều diện tích mới chuyển đổi, năng suất còn thấp nhưng sản lượng nhìn chung vẫn tăng do diện tích tăng nhiều. Một số địa phương có năng suất tôm sú nuôi trồng rất cao như Đà Nẵng, Phú Yên, Quảng Ngãi, Khánh Hòa đạt 1,5 - 1,8 tấn/ha cá biệt một số vùng ở Sóc Trăng đạt tới 4 - 6 tấn/ha. Nuôi tôm đã trở thành phong trào rộng khắp cả nước, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho nhiều hộ nông dân. Ngoài nuôi tôm sú cũng đã xuất hiện nhiều loại thủy sản khác có sản lượng hàng hóa lớn cho xuất khẩu như cá tra, basa, tôm càng xanh...

Về khai thác thủy sản, năm 2001 cũng có nhiều kết quả. Toàn ngành đã có 78.978 tàu thuyền với tổng công suất là 3.722.577 CV, trong đó số tàu đánh bắt xa bờ là 6.005 chiếc, tăng 109 chiếc so với năm 2000. Bên cạnh đó, quan hệ sản xuất trong khai thác thủy sản cũng được củng cố một bước. Số hợp tác xã và tổ hợp tác khai thác thủy sản đều tăng, giải quyết công ăn việc làm cho trên 35.000 người lao động. Sản lượng khai thác xa bờ năm 2001 đạt 456.000 tấn, tăng 8,57% so với năm 2000. Tuy sản lượng tăng không nhiều nhưng bằng việc hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ giữa khai thác thủy sản với xuất khẩu mà ngư dân đã chuyển dần từ việc khai thác theo số lượng sang khai thác những sản phẩm có giá

trị xuất khẩu cao và có thị trường tiêu thụ như cá ngừ đại dương ở các tỉnh miền Trung và Tây Nam bộ. Nếu năm 2000 chỉ là 6.000 tấn thì năm 2001 đạt trên 10.000 tấn. Một số loại cá trước đây chỉ dùng làm nước mắm, bột cá, không xuất khẩu được, nay nhờ có đổi mới công nghệ chế biến và thị trường tiêu thụ và đảm bảo an toàn vệ sinh tìm kiếm được thị trường, mà trở thành những sản phẩm xuất khẩu có hiệu quả như cá bọ, cá ngừ chỉ vàng, cá ngừ vây vàng, cá cơm và các loại cá tạp thịt trắng...

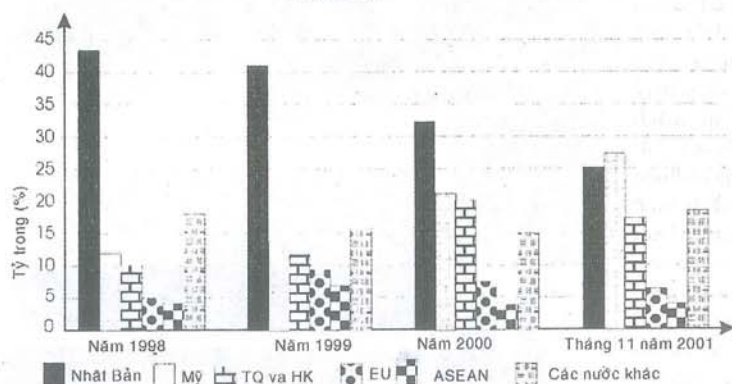
Ngoài nuôi trồng và đánh bắt, việc nâng cao năng lực chế biến xuất khẩu đã đóng góp tích cực cho xuất khẩu thủy sản năm qua. Để đối phó với những diễn biến phức tạp trên thị trường thủy sản thế giới, Bộ thủy sản đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản đã chủ động thâm nhập thị trường, tích cực đầu tư đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm khắc phục những khó khăn phát sinh và từng bước thâm nhập vào thị trường thủy sản thế giới. Đến nay, cả nước đã có 61 đơn vị được vào danh sách I xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU, 8 vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ đủ điều kiện an toàn vệ sinh làm nguyên liệu xuất khẩu vào EU và gần 100 đơn vị áp dụng tiêu chuẩn HACCP, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Những doanh nghiệp này đã có giá trị kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành. Ngoài ra còn có nhiều doanh nghiệp đã đăng ký đạt tiêu chuẩn ISO - 9000.

Không ngừng mở rộng thị trường cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến xuất khẩu gia tăng đáng kể trong ngành thủy sản năm qua.

Với sự chỉ đạo sâu sát của Bộ thủy sản, với sự hoạt động năng động, linh hoạt của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN mà công tác xúc tiến thị trường hoạt động bước đầu đã có kết quả tốt. Nhiều cuộc hội thảo về thị trường đã được tổ chức, nhiều doanh nghiệp đã tham gia vào hội chợ quốc tế về thủy sản, nhiều hoạt động thông tin, tuyên truyền đã được triển khai, bước đầu đưa thương mại điện tử vào ngành thủy sản... để làm tốt công tác xúc tiến thương mại, ngoài sự đóng góp của các doanh nghiệp, năm 2001, Chính phủ đã dành 2,5 tỷ đồng để hỗ trợ thêm. Nhờ đó mà số lượng các doanh nghiệp tham gia vào các hội chợ, triển lãm hàng thủy sản tại Mỹ, EU, Trung Quốc tăng đáng kể. Với những hoạt động tích cực nêu trên thị trường thủy sản ngày càng được mở rộng, không chỉ phụ thuộc vào thị trường truyền thống là Nhật Bản như trước đây mà phát triển nhiều thị trường mới với khối lượng xuất khẩu lớn như Mỹ, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc... đồng thời giảm hẳn các thị trường trung gian, tăng xuất khẩu trực tiếp vào nhiều thị trường, kể cả những thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm...

Thường xuyên áp dụng tiến bộ khoa học, không ngừng đổi mới công nghệ được coi là những nhân tố đóng góp tích cực vào xuất khẩu thủy sản năm qua. Với nguồn vốn nhà nước chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ của Bộ là 26,76 tỷ đồng, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, nhiều dự án điều tra kinh tế - xã hội ngành đã được triển khai. Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các vấn đề như: điều tra nguồn lợi, tìm kiếm công nghệ khai thác phục vụ cho đánh bắt xa bờ, sản xuất giống thủy sản, kiểm soát môi trường, phòng bệnh cho tôm tại những vùng mới chuyển đổi cơ cấu diện tích... Bên cạnh đó, ngành cũng đã nhập

Biểu đồ 3: Tỷ trọng thị trường XK thủy sản (theo giá trị) 1998 - 2001



Nguồn: Bộ thủy sản

khẩu công nghệ sản xuất giống và nuôi một số loại thủy sản có giá trị xuất khẩu như bào ngư, điệp tôm thẻ chân trắng. Thuộc lĩnh vực chế biến, bảo quản, nhiều đề tài nghiên cứu cũng đã được triển khai có kết quả như: nâng cao giá trị một số loài cá bằng cách ứng dụng công nghệ mới trong chế biến, bảo quản; phương pháp xác định tạp chất... Bên cạnh nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước, nhiều doanh nghiệp thủy sản cũng đã tích cực áp dụng công nghệ tiên tiến bằng nguồn vốn tự có của mình. Có thể nói, đổi mới công nghệ như một phong trào cách mạng đang diễn ra sâu rộng trong ngành thủy sản. Nhiều cơ sở chế biến thủy sản của ta hiện nay đã ngang tầm với trình độ công nghệ của các nước trong khu vực và bước đầu tiếp cận với trình độ công nghệ tiên tiến trên thế giới. Nhờ đó, ngành thủy sản VN ngày càng có khả năng cạnh tranh cao hơn, đáp ứng nhu cầu khắt khe của người tiêu dùng ở nhiều quốc gia phát triển.

Đầu tư là một trong những nhân tố hàng đầu quyết định cho sự thành công ở bất cứ lĩnh vực nào. Trong ngành thủy sản càng thấy rõ điều đó. Thành công trong xuất khẩu năm qua một phần chính là nhờ vào nhân tố quan trọng này. Tổng số vốn đầu tư cho toàn ngành năm 2001 là 5.013 tỷ đồng, tăng 51,35% so với năm 2000. Nếu như đầu tư từ ngân sách nhà nước chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ 12,76% và tăng chậm so với năm 2000 (102,53%) thì đầu tư của các doanh nghiệp và huy động vốn trong dân chiếm tỷ trọng chủ yếu và tăng gấp đôi so với năm 2000. Nhờ sử dụng vốn ODA của Ngân hàng phát triển châu Á, 8 trong 10 công trình cảng cá đã được khai thác và đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó, 211 dự án nuôi tôm tập trung đã được triển khai ở nhiều địa phương bằng các nguồn vốn khác nhau. Trong 4 năm (1998 – 2001) riêng đầu tư cho lĩnh vực chế biến thủy sản xuất khẩu đã đạt trên 2.000 tỷ đồng, nhờ đó làm tăng công suất chế biến từ 800 tấn/ngày (1998) lên 1.000 tấn/ngày (năm 2001).

Và những vấn đề đang đặt ra

Bên những thành công đã đạt được, ngành thủy sản VN cũng còn phải khắc phục nhiều tồn tại như chưa đảm bảo được nguồn giống thuần chủng, chất lượng cao cho ngành nuôi trồng thủy sản, giá cả lại chưa hợp lý, có những cơn sốt về giá cả con giống gây thiệt hại cho người sản xuất; vẫn còn một số địa phương chuyển đổi cơ cấu diện tích một cách ồ ạt, không có quy hoạch, không đủ con giống, thiếu hiểu biết kỹ thuật dẫn đến hiện tượng tôm chết hàng loạt cũng gây thiệt hại lớn cho người sản xuất. Trong khai thác thủy sản thì công nghệ đánh bắt gần bờ chậm được đổi mới, còn công nghệ đánh bắt xa bờ thì chủ yếu vẫn dựa vào công nghệ kỹ thuật truyền thống, có tình trạng nợ vốn dây dưa, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước ở một số chủ thuyền... Trong chế biến xuất khẩu thì vẫn còn đến 2/3 doanh nghiệp chế biến thủy sản quy mô vừa và nhỏ, chưa đáp ứng được yêu cầu đối với sản xuất và quản lý theo tiêu chuẩn ngành về an toàn vệ sinh thực phẩm. Các doanh nghiệp này còn lúng túng trong công tác xúc tiến thị trường, chậm đổi mới sản xuất và dẫn đến hiệu quả kém. Về củng cố hoàn thiện các loại hình xí nghiệp trong ngành cũng còn nhiều vấn đề bất cập như cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn tiến hành chậm chạp, một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả chưa cao; các hợp tác xã nghề cá còn rơi vào tình trạng lùm ỉm ăn tử trệ, xã viên không đóng cổ phần, vốn tự có còn ít, tùy tiện trong sản xuất kinh doanh. Trong hoạt động đầu tư vẫn còn nhiều lúng túng khi lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và quản lý các dự án đầu tư, chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư từ bên ngoài, nhất là FDI...

Để đạt được chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu năm 2002 là 2-2,1

tỷ USD, ngành thủy sản VN còn phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa. Ngoài những biện pháp để tăng sản lượng như sản xuất đủ con giống, không để xảy ra dịch bệnh, quy hoạch vùng sản xuất kết hợp với bảo vệ nguồn lợi thiên nhiên, cải tiến hệ thống thủy lợi, phát triển nhanh lực lượng sản xuất, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước... thì những biện pháp trực tiếp làm gia tăng hiệu quả xuất khẩu là cực kỳ quan trọng.

Chỉ riêng khoản kinh phí để chi cho việc phát triển thị trường xuất khẩu năm 2002 phải cần 30 – 45 tỷ đồng (năm 2001 chi phí này mới có 2,1 tỷ đồng) bao gồm các hoạt động như tiếp thị trực tiếp đến người tiêu dùng, tổ chức các gian hàng hội chợ VN ở nước ngoài, mua thông tin và xử lý thông tin... Để có đủ kinh phí hoạt động, một quỹ phát triển thị trường thủy sản sẽ được thành lập trong năm 2002, lúc đầu là sự hỗ trợ của Nhà nước, về sau nguồn thu chủ yếu là từ các doanh nghiệp, dựa vào sản lượng xuất khẩu để chủ động thực hiện công tác xúc tiến thương mại và xử lý tranh chấp thương mại. Theo đề nghị của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN thì Chính phủ nên thành lập tổ chức phát triển xuất khẩu thủy sản có chức năng quản lý nhà nước để chuyển trách công tác phát triển thị trường xuất khẩu, thành viên là các nhà sản xuất, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Thành lập văn phòng đại diện thương mại thủy sản VN tại một số thị trường lớn như Mỹ, Nhật, EU, Trung Quốc mà trước mắt, năm 2002 thành lập văn phòng đại diện tại Mỹ và Trung Quốc để rút kinh nghiệm tổ chức cho các thị trường khác. Bên cạnh đó, là đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu, duy trì các thị trường đã có và tiếp tục mở rộng các thị trường mới, phấn đấu đạt cơ cấu thị trường như sau: Mỹ: 30%; Nhật: 25%; Trung Quốc: Hồng Kông gần 25%; các thị trường khác khoảng hơn 20%.

Bước vào năm 2002, bên cạnh những cơ hội mới đang mở ra, ngành thủy sản VN cũng sẽ gặp nhiều thách thức mà biểu hiện đầu tiên là quy hoạch mới của EU về dư lượng chloramphenicol. Tuy nhiên với những kết quả đã đạt được của năm 2001, với quyết tâm cao độ của toàn ngành, các giải pháp đồng bộ trên đây và không khí phấn khởi ngay từ đầu năm của Hội chợ thủy sản VN lần thứ 4 (Vietfish), một số đơn vị đã xuất khẩu được một lượng hàng tương đối với thị trường Mỹ... chúng ta hy vọng mục tiêu 2 tỷ USD mà ngành thủy sản đã đặt ra là có nhiều khả năng thực hiện được ■

